**LÝ LỊCH, Ý NGHĨA CÁC TÊN ĐƯỜNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN ĐƯỜNG** | **LỊCH SỬ, Ý NGHĨA TÊN ĐƯỜNG** |
|
|  | **Nguyễn Văn Cừ** | **Nguyễn Văn Cừ (1912-1941):** Quê xã Phù Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Là Tổng Bí thư thứ tư của Đảng Cộng sản Đông Dương *(tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày nay)* từ năm 1938 đến năm 1940. |
|  | **Nguyễn Đức Bình** | Giáo sư triết học, Nhà giáo nhân dân **Nguyễn Đức Bình (1927 - 2019);** Quê quán: phường Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Là một trong những nhà lý luận chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị khóa VII, VIII, nguyên Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, nguyên Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. |
|  | **Lê Hồng Phong** | **Lê Hồng Phong** tên khai sinh là Lê Huy Doãn (1902 - 1942) là một nhà hoạt động cách mạng Việt Nam. Ông là Tổng Bí thư thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương *(tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày nay)* từ năm 1935 đến năm 1936. |
|  | **Nguyễn Thường** | **Nguyễn Thường (1577 - ?):** Quê ở phường Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh, ông đậu cử nhân khoa thi Hương năm Mậu Tý (1828) sau đó ông đậu Phó Bảng ở kỳ thi Hội, được cử làm Tri phủ Lý Nhân, bát phẩm Bộ Hình, sau đó ông cáo quan về quê dạy học, có nhiều học trò đỗ đạt, thành danh. Hiện nay, nhà thờ của ông tại nhà thờ họ Nguyễn Khắc (TDP Hầu Đền, phường Trung Lương); Tên của ông đã được khắc vào Văn bia Tiến sỹ tại Văn miếu Hà Tĩnh. |
|  | **Nguyễn Đệ** | **Nguyễn Đệ (1577 - ?):** Là người quê ở phường Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh, ông đậu tiến sĩ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân, làm đến chức Tham chính, hàm Tước bá. Hiện nay, nhà thờ của ông tại nhà thờ họ Nguyễn đại tôn (TDP Tuần Cầu, phường Trung Lương); Tên của ông đã được khắc vào Văn bia Tiến sỹ tại Văn miếu Hà Tĩnh. |
|  | **Ngụy Khắc Tuần** | **Ngụy Khắc Tuần (1799-1854):** Quê xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh là vị quan thanh liêm thời vua Minh Mạng. Ông sinh ra trong một dòng họ có truyền thống khoa bảng nổi tiếng. Năm Bính Tuất 1826, ông đỗ tiến sĩ lúc 27 tuổi, làm Tuần phủ, rồi làm Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên; là một vị quan mẫu mực về đức mẫn cán, thanh liêm, nên được cả ba nhà vua tin dùng. Về sau ông làm đến Thượng thư bộ hộ, kiêm Tổng tài Quốc sử quán. Năm 1854, ông bị tử trận khi đang giữ chức Hộ lý Tuần phủ quan phòng trấn Hưng Hóa (Quảng Trị) được truy tặng hàm Hiệp biện đại học sĩ. Ông chính là người khai sinh địa danh ĐIỆN BIÊN PHỦ |
|  | **Ngụy Khắc Đản** | **Ngụy Khắc Đản (1817–1873):** Quê ở Xuân Viên, Nghi Xuân, là cháu gọi Ngụy Khắc Tuần bằng chú ruột. Năm Thiệu Trị thứ nhất (1841), ông thi đỗ cử nhân, Năm Tự Đức thứ 9 (1856), ông thi đỗ đầu thi Đình đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ tam danh (tức Đình nguyên Thám hoa). Sau đó, ông làm quan đến các chức: Khâm sai Kinh lý Trấn Ninh, sung Tuyên phủ sứ, Thượng thư bộ Binh, Thượng thư bộ Công, sung tham biện viện Cơ mật. Năm 1863, Ngụy Khắc Đản được cử làm bồi sứ trong phái đoàn của Phan Thanh Giản đi sang Pháp thương thuyết để chuộc lại ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, nhưng không thành công. Trên đất Pháp, Ngụy Khắc Đản là một trong nhóm bốn người đã kể tội ác của giặc. Sau này, ông xin cáo quan về rồi mất tại quê nhà năm 1873, lúc 56 tuổi. Đương thời, ông là một vị quan có tư tưởng tiến bộ, ông để lại một số tác phẩm nổi tiếng như: Tây phù nhật ký; Như Tây Ký; Tuồng Kim Vân Kiều,… |
|  | **Nguyễn Khản** | **Nguyễn Khản** (1734 - 1787) quê ở Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh là anh cả đại thi hào Nguyễn Du, con trai Tham tụng Nguyễn Nghiễm. Ông thi đỗ Tiến sĩ Nho học lúc 27 tuổi; làm đến chức Nhập thị Tham tụng (Tể tướng). Sinh thời ông rất được các chúa Trịnh tin dùng |
|  | **Hồ Đắc Di** | **Hồ Đắc Di** (1900-1984), sinh ra tại Hà Tĩnh, quê ở làng An Truyền, xã Phú An, huyện Phú Vang, Thừa Thiên – Huế, là một bác sĩ nổi tiếng ở Việt Nam. Ông còn là vị hiệu trưởng đầu tiên trường Đại học Y Hà Nội của nước Việt Nam độc lập |
|  | **Nguyễn Bật Lãng** | Nguyễn Bật Lãng (1546 - ?) quê ở Xuân Liên, Nghi Xuân, đậu Đệ nhất giáo chế khoa xuất thân năm 1577. Sau khi đậu tiến sĩ, Nguyễn Bật Lãng ra làm quan giúp triều Lê, ông nhận chức Chính sứ ty Chân Lộc đại phu Nam tước Thái thường Tự khanh, phụng sai Nhị xứ hùng nghĩa quân doanh. Trong cuộc đời mình, Nguyễn Bật Lãng đã cống hiến tài năng, trí tuệ, sức lực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước thời Lê Trung Hưng. Hiện nay, ở địa phương Hà Tĩnh có đến 4 điểm di tích tiến sĩ Nguyễn Bật Lãng, trong đó 1 di tích Quốc gia, 3 di tích cấp tỉnh. |
|  | **Đinh Xuân Lâm** | **Đinh Xuân Lâm (1925 – 2017**): Quê xã Sơn Tân (nay là xã [Tân Mỹ Hà](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2n_M%E1%BB%B9_H%C3%A0)), huyện [Hương Sơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C6%B0%C6%A1ng_S%C6%A1n), tỉnh [Hà Tĩnh](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_T%C4%A9nh) là một trong những người góp công đầu xây dựng Bộ môn Lịch sử cận – hiện đại Việt Nam, phó chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam khóa IV, Chủ tịch Hội đồng khoa học Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam. Ông được xem là một trong "tứ trụ" của nền sử học Việt Nam (Lâm, Lê, Tấn, Vượng). |
|  | **Phan Huy Lê** | Phan Huy Lê (1934 - 2018): Quê ở xã Thạch Châu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh, là Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân và một trong những chuyên gia về lịch sử Việt Nam, Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam từ Khóa II đến khóa VI (1990 - 2015), Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học năm 2016. Ông được xem là một trong "tứ trụ" của nền sử học Việt Nam (Lâm, Lê, Tấn, Vượng). |
|  | **Hà Văn Tấn** | Hà Văn Tấn (1937 – 2019): Quê ở Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, là một nhà sử học, khảo cổ học Việt Nam. Ông được xem là một trong "tứ trụ" của nền sử học Việt Nam đương đại (Lâm, Lê, Tấn, Vượng). |
|  | **Trần Bảo Tín** | **Trần Bảo Tín (1483 -?):** Ông sinh ra và lớn lên tại Xuân An, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 1511, ông đỗ Bảng nhãn. Ông làm quan với nhà Lê đến chức Tả thị lang bộ Lại. Năm 1527, Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, ông bỏ quan về ở ẩn trên núi Hành Sơn, dạy học trò, nhằm đề cao chữ trung nghĩa, để phản ứng với nhà Mạc. Thời Lê Trung hưng, được phong làm phúc thần, truy tặng Thượng thư. |
|  | **Hà Công Trình** | **Hà Công Trình (1434-1511):** quê xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc. Đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng Giáp) khoa Bính Tuất. Làm đến chức Tế Tửu Quốc Tử Giám năm 1502, sau thăng Thượng Thư các bộ Công, bộ Binh, bộ Hình và Nhập thị kinh diên. Ông là tổ 7 đời của Hà Tôn Mục. |
|  | **Nguyễn Phong Sắc** | **Nguyễn Phong Sắc** (1902-1931)**:** Sinh ra tại làng Bạch Mai, Hà Nội. Ông gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội vào đầu năm 1927. Ngày 21/7/1929, Hội nghị Ban Chấp hành lâm thời Đông Dương Cộng sản Đảng họp tại Bắc Ninh đã phân công Nguyễn Phong Sắc vào phụ trách khu vực Trung kỳ. Sau một thời gian ngắn, Nguyễn Phong Sắc đã tổ chức được lực lượng và lãnh đạo hàng loạt cuộc biểu tình liên tục nổ ra và lan rộng thành một cao trào khắp Nghệ An và Hà Tĩnh. Đối phó lại, thực dân Pháp liền ra sức truy lùng những người cầm đầu của các cuộc nổi dậy và đấu tranh này. Ngày 3/5 năm 1931, Nguyễn Phong Sắc đã bị bắt vì bị chỉ điểm tại Hà Nội, giặc Pháp đã tử hình ông vào sáng ngày 25/5/1931. |
|  | **Phùng Chí Kiên** | **Phùng Chí Kiên (1901-1941):** Quê xã Diễn Yên, huyện [Diễn Châu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Di%E1%BB%85n_Ch%C3%A2u), tỉnh [Nghệ An](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ngh%E1%BB%87_An). Là một [nhà lãnh đạo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_l%C3%A3nh_%C4%91%E1%BA%A1o) [quân sự](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_s%E1%BB%B1) và là [chính trị gia](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%ADnh_tr%E1%BB%8B_gia) người [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam). Ông là [vị tướng](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C4%A9_quan_c%E1%BA%A5p_t%C6%B0%E1%BB%9Bng) được truy phong đầu tiên của [Quân đội nhân dân Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam) theo Sắc lệnh số 89/SL – Sắc lệnh phong tướng đầu tiên của Nhà nước do Chủ tịch [Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) ký ngày [23 tháng 9](https://vi.wikipedia.org/wiki/23_th%C3%A1ng_9) năm [1947](https://vi.wikipedia.org/wiki/1947). Ông nguyên là Ủy viên [Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá I](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_Ch%C3%ADnh_tr%E1%BB%8B_Ban_Ch%E1%BA%A5p_h%C3%A0nh_Trung_%C6%B0%C6%A1ng_%C4%90%E1%BA%A3ng_C%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n_Vi%E1%BB%87t_Nam), phụ trách công tác quân sự của Đảng. Ông là người chỉ huy quân sự đầu tiên của [Đảng Cộng sản Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A3ng_C%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n_Vi%E1%BB%87t_Nam), đã có nhiều đóng góp cho cách mạng [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) trong chặng đường đầu tiên trước [Cách mạng Tháng Tám](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1ch_m%E1%BA%A1ng_Th%C3%A1ng_T%C3%A1m) năm [1945](https://vi.wikipedia.org/wiki/1945). |
|  | **Nguyễn Chí Thanh** | **Nguyễn Chí Thanh** tên thật là Nguyễn Vịnh (1914–1967) là một tướng lĩnh chính trị của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Ông từng công tác ở nhiều lĩnh vực khác nhau và đều có khả năng phát triển lĩnh vực đó nên còn được gọi là "Vị tướng phong trào". Ông cũng là người đề ra chiến thuật đánh áp sát của Quân Giải phóng miền Nam với phương châm "Nắm thắt lưng địch mà đánh". |
|  | **Lê Trọng Tấn** | Lê Trọng Tấn (1914 - 1986): Là một Đại tướng Quân đội nhân dân Việt Nam. Ông từng là Viện trưởng Học viện Quân sự Cao cấp, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tư lệnh Quân Giải phóng miền Nam. Ông là vị tướng gắn liền với nhiều trận đánh tên tuổi trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. |
|  | **Chính Hữu** | **Chính Hữu (1926 - 2007):** Tên thật là Trần Đình Đắc, quê ở Can Lộc. Là một nhà thơ Việt Nam, nguyên Đại tá, Phó cục trưởng cục Tuyên huấn thuộc Tổng cục chính trị, Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên Phó tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam. Ông được Nhà nước Việt Nam trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật. Ông làm thơ từ năm 1947 và hầu như chỉ viết về người lính và chiến tranh; tác phẩm nổi tiếng có tập thơ “Đầu súng trăng treo” là tác phẩm chính của ông. Bài thơ "Đồng chí" khá nổi tiếng mà ông sáng tác năm 1948 đã được phổ nhạc cho bài hát "Tình đồng chí". |
|  | **Hồ Tùng Mậu** | Hồ Tùng Mậu (1896 – 1951) quê ở Quỳnh Lưu, Nghệ An, là một nhà hoạt động cách mạng Việt Nam. Ông từng là đảng viên của cả Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam, thành viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng Thanh tra Ban Thanh tra Chính phủ. |
|  | **Nguyễn Hiệt Chi** | **Nguyễn Hiệt Chi** (1870 - 1935) người làng Đông Thượng, xã Ích Hậu, tổng Phù Lưu (nay là xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà. Là 1 trong 6 người sáng lập ra công ty Liên Thành và trường Dục Thanh tại Phan Thiết từ năm 1905. Năm 1910, ông đã trực tiếp mời anh Nguyễn Tất Thành (tên của Chủ tịch Hồ Chí Minh thời trẻ) từ Huế vào Phan Thiết dạy học tại trường Dục Thanh. Do hoạt động của mình, hai lần ông bị giắc Pháp ở Phan Thiết bắt giam. Về sau ông được đổi về dạy học ở trường Quốc học Huế và trường Nguyễn Trường Tộ (Vinh), soạn sách giao khoa cho học sinh và liên lạc với các yếu nhân của Đảng Tân Việt. Hiện nay tại di tích trường Dục Thanh ở Phan Thiết được tôn tạo quy mô và có trưng bày ảnh lớn và tiểu sử của ông Nguyễn Hiệt Chi bên cạnh các nhà chí sĩ khác cũng như bên cạnh ảnh Bác Hồ. |
|  | **Lê Viết Lượng** | **Lê Viết Lượng**  ([1900](https://vi.wikipedia.org/wiki/1900) - [1985](https://vi.wikipedia.org/wiki/1985)) quê quán ở làng Cải Lương, tổng [Phù Lưu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%B9_L%C6%B0u), huyện [Can Lộc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Can_L%E1%BB%99c), tỉnh [Hà Tĩnh](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_T%C4%A9nh) (nay là thôn Bắc Kinh, xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh). Ông sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo, cha mất sớm, mẹ buôn bán nhỏ (bán nước mắm) tần tảo nuôi các con ăn học. Tuy gia cảnh khó khăn, song Lê Viết Lượng là người thông minh và có nghị lực nên vẫn học hành đến nơi đến chốn. Là một nhà cách mạng và chính khách [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam), nguyên Thống đốc (Tổng giám đốc) [Ngân hàng Nhà nước Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C3%A2n_h%C3%A0ng_Nh%C3%A0_n%C6%B0%E1%BB%9Bc_Vi%E1%BB%87t_Nam), nguyên Phó Chủ nhiệm [Ủy ban Kế hoạch Nhà nước](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BB%A6y_ban_K%E1%BA%BF_ho%E1%BA%A1ch_nh%C3%A0_n%C6%B0%E1%BB%9Bc), nguyên Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Liên khu IV, nguyên Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh [Nghệ An](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ngh%E1%BB%87_An). |
|  | **Đội Quyên** | **Đội Quyên (1859 - 1917):** Quê ở Yên Hồ, Đức Thọ, là thủ lĩnh nghĩa quân chống Pháp trong lịch sử Việt Nam thời cận đại. Năm 1885, hưởng ứng dụ Cần Vương, ông tham gia cuộc khởi nghĩa do Lê Ninh lãnh đạo. Cuối năm 1887, thủ lĩnh Lê Ninh mắc bệnh qua đời ở căn cứ, ông cùng các em của Lê Ninh đến gia nhập lực lượng của Phan Đình Phùng. Có tư liệu nói rằng, ông là người vận động và tập hợp các thợ rèn giỏi của làng Minh Lương (Trung Lương) theo nghĩa quân chống Pháp. |
|  | **Đinh Nho Hoàn** | Đinh Nho Hoàn (1671 - 1715): Quê ở Hương Sơn, Hà Tĩnh, ông đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân, làm đến chức Hữu thị lang Bộ Lại. |
|  | **Võ Tá Sắt** | Quận công Võ Tá Sắt – tên thực là Võ Tá Kế (húy là Khanh); quê ở xã Thạch Liên, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 14 tuổi học tại Quốc Tử Giám. Vì là ấm sinh xuất thân nên được bổ làm quan với chức quản binh, nhiều lần phụng chỉ đi đánh giặc lập công, được vua Lê, chúa Trịnh tin dùng. |
|  | **Lê Khôi** | **Lê Khôi (? - 1446):** Là công thần khai quốc nhà Lê sơ. Ông là con trai của Lê Trừ - anh thứ hai của Lê Lợi, tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, lập nhiều công lao. Lê Thái Tổ lên ngôi phong cho là Kì Lân Hổ Vệ tướng quân, hàm Nhập nội thiếu úy, tước Đình Thượng hầu. Lê Khôi được điều làm trấn thủ Hóa châu, nhiều lần tham gia đánh Chiêm thành, lập nhiều chiến tích. Hiện nay, ông được thờ ở rất nhiều đền của vùng đất Hà Tĩnh, trong đó có Đền Đông Xá, Đền Cả,... |
|  | **Lý Nhật Quang** | **Lý Nhật Quang (995 - 1057)**, là Hoàng tử thứ 8 của vua Lý Thái Tổ, tước hiệu là Uy Minh vương. Năm 1041, Lý Nhật Quang được triều đình cử vào trị nhậm vùng đất Hoan Châu (Nghệ An và Hà Tĩnh ngày nay). Lý Nhật Quang góp phần giữ vững sự ổn định biên giới phía nam Đại Việt trước sự xâm lấn của quân Chiêm Thành, ngoài ra ông còn chú trọng giúp dân khai khẩn đất đai, coi trọng phát triển kinh tế, khuyến khích nhân dân mở mang nghề nghiệp. Vì vậy, sau khi mất được nhân dân nhiều vùng Hà Tĩnh lập đền thờ và tôn Lý Nhật Quang làm thành Hoàng làng. |
|  | **Võ Sùng Ban** | Đô Nam nhạc Ô Trà Sơn chính là ông Võ Sùng Ban - một quan võ dưới triều nhà Lý (thế kỷ XI). Theo truyền thuyết, Võ Sùng Ban ngay từ nhỏ vốn là cậu bé thông minh, 8 tuổi đã biết đọc sách làm văn, lớn lên thích võ nghệ. Năm 18 tuổi ông đã được bổ nhiệm làm quan. Dưới triều Lý Nhân Tông, Võ Sùng Ban làm đến chức Điện tiền tướng quân, có công lớn trong việc cầm quân đánh giặc Chiêm Thành, mở mang bờ cõi. Trong một lần cầm quân nơi chiến trận, ông bị trọng thương, trên đường trở về đến đoạn Hoàng Giang (tức sông Hạ Vàng) dưới chân núi Hồng Lĩnh thì ông bị mất. Triều vua nhà Lý đã có sắc chỉ phong ông là Đô Nam nhạc Ô Trà Sơn Đại Vương, ra chỉ dụ giao cho nhân dân vùng Tổng nội Ngoại Thiên Lộc (nay là xã Thuần Thiện và xã Thiên Lộc huyện Can Lộc) – nơi ông đóng quân lập đền thờ tự và được phong thần bảo hộ của làng. Hiện nay, ông được thờ tại Đền Đông Xá, phường Đậu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh |
|  | **Huỳnh Thúc Kháng** | Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947): Là một chí sĩ yêu nước người Việt Nam. Ông là Bộ trưởng Bộ Nội vụ (1946-1947) và Quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (giai đoạn từ 31 tháng 5 đến 21 tháng 10 năm 1946), trước đó ông từng giữ chức Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ thời thuộc Pháp. |
|  | **Mai Lão Bạng** | **Mai Lão Bạng** (1866-1942), quê ở Kỳ Khang, Kỳ Anh, Hà Tĩnh là một chí sĩ cách mạng trong các phong trào Duy Tân, Đông Du, Việt Nam Quang phục Hội trong lịch sử Việt Nam. |
|  | **Lê Quảng Chí** | **Lê Quảng Chí** (1451-1533) là danh thần đời vua Lê Thánh Tông, nhà Lê sơ, quê ở xã Kỳ Phương, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Ông làm quan đến chức Tả thị lang bộ lễ kiêm Đông các Đại học sỹ. Ông và Lương Thế Vinh là những trạng nguyên và danh thần thời Lê Thánh Tông |
|  | **Lê Quảng Ý** | **Lê Quảng Ý (1453-1526):** Ông là em của Lê Quảng Chí, năm 46 tuổi đỗ đồng Tiến sỹ khoa Kỷ vị năm Cảnh Thống thứ 2 đời Lê Hiến Tông (1499), làm quan đến Hàn lâm viện thị thế, đặc tiến kim tủ vinh lộc đại phu hiến sứ, kiêm Đệ lĩnh tú thành quân vụ, tước bảng quận công. Ông là người văn võ kiêm toàn, nhiều lần vâng lệnh triều đình cầm quân cùng với vua Lê Thánh Tông đi đánh giặc ngoại xâm, đưa nền thái bình về cho đất nước. Ông là người cương nghị, tinh thông cả văn lẫn võ, được triều Lê kiêng nể, trọng dụng. |
|  | **Lê Sỹ Bàng** | Lê Sỹ Bàng sinh năm Giáp Thân đời vua Lê Hy Tông niên hiệu Chính Hòa năm thứ 25 (1704). Năm 32 tuổi Lê Sỹ Bàng thi đỗ Đệ nhị giáp Tiến sỹ xuất thân (Hoàng giáp). Sau khi thi đỗ Lê Sỹ Bàng được giao chức Hàn lâm viên hiệu lý (Chánh thất phẩm). Năm 1937  ông được thăng lên chức Hàn lâm viện Thị chế (Tòng lục phẩm). Năm 1738 (Mậu Ngọ) ông được làm Khâm sai giám sát trường thi hương ở Thanh Hóa. Năm sau, Kỷ Mùi ông nhận chức Đô đốc xứ Sơn Nam. Năm Canh Thân niên hiệu Cảnh Hưng thứ 1 (1740) ông được giữ chức Hình sát xứ ở Thanh Hóa. Tháng 12 năm Nhâm Tuất (1742) ông được nhận chức Hàn lâm viện Thị thư (Chánh lục phẩm). Năm Ất Sửu (1745), Lê Sỹ Bàng nhận chức Đốc đồng xứ Lạng Sơn, trực tiếp tham gia các cuộc tranh tụng, thương thuyết với nhà Thanh về vấn đề biên giới Việt – Trung trên địa bàn trấn Lạng Sơn. Với tài năng và đức độ của mình, Hoàng giáp Lê Sỹ Bàng được vua thăng chức Đông các học sỹ, tước bá (1747). |
|  | **Lê Sỹ Triêm** | Lê Sỹ Triêm (1693-1751) quê ở xã Nội Thiên Lộc, huyện Thiên Lộc, trấn Nghệ An, nay là xã Thuần Thiện, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Năm Bính Thìn, 1736, ông đỗ đồng tiến sĩ xuất thân trong khoa thi Đình. Cùng khoa thi năm 1736, em trai ông là Lê Sỹ Bàng đỗ tiến sĩ xuất thân, tức Hoàng giáp. Sau khi đỗ tiến sĩ, ông được vua bổ dụng và kinh qua nhiều chức vụ, Đông Các Học sĩ, Đốc đồng Sơn Nam, Đốc thị Nghệ An, Tả thị lang Bộ Công. Ngoài ra, ông tham gia nhiều cuộc chinh chiến giữa quân của triều đình nhà Lê - Trịnh với các nhóm quân nổi dậy, nhất là các cuộc nổi dậy của [Hoàng Công Chất](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ho%C3%A0ng_C%C3%B4ng_Ch%E1%BA%A5t) và [Nguyễn Hữu Cầu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_H%E1%BB%AFu_C%E1%BA%A7u) (tức Quận He). Do có công, ông được vua tặng nhiều hàm cấp như đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Lộc Xuyên bá, Cẩm Xuyên hầu. |
|  | **Ngô Phúc Vạn** | **Ngô Phúc Vạn (1577-1652):** Quê làng Trảo Nha, huyện Can Lộc. Xuất thân trong một danh gia vọng tộc, lớn lên tinh thông mọi thứ, từ văn, võ, địa lý, thiên văn, toán học, đạo pháp. Là một danh tướng và trọng thần của triều đình Lê – Trịnh, có nhiều công lao đóng góp cho việc an ninh biên cương, bảo vệ đất nước, khai khẩn ruộng đất, mở mang nghề nghiệp. Trong thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh làm đến chức Thái Bảo, được phong tước Tào Quận công; lúc về già trở thành một đạo sĩ, tinh thông nho y lý số. Sau khi mất được nhân dân lập đền thờ, thờ làm phúc thần. |
|  | **Bạch Liêu** | **Bạch Liêu (1236 - 1315):** Quê ở huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Ông là người thông minh nhớ lâu, đọc sách ngàn dòng một mạch. Ông đỗ trạng nguyên năm Thiệu Long thứ 9 (1266) đời vua Trần Thánh Tông, là vị tổ khai khoa của xứ Nghệ, nhưng không ra làm quan. Ông ở lại làm môn khách giúp Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải trấn Nghệ An. Với tư cách là một quân sư, ông đã giúp Trần Quang Khải thảo ra kế hoạch về tuyển quân và dự trữ lương thực, củng cố biên giới phía Nam (gọi là Biến pháp tam chương góp phần quan trọng trong việc đánh thắng quân Nguyên Mông. Ông được cử theo đoàn sứ bộ sang nhà Nguyên, bằng trí tuệ uyên bác và tài ngoại giao, ông đã góp phần thiết lập quan hệ ngoại giao hoà hiếu giữa 2 nước. Hiện phần mộ của ông đang ở Thiên Lộc, Can Lộc. |
|  | **Trần Văn Khải** | **Trần Văn Khải:** Quê ở xã Thuận Lộc, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; ông sinh vào khoảng nữa đầu thế kỷ thứ XVIII, ở một giai đoạn đầy những biến động của lịch sử dân tộc, đó là giai đoạn cuối của thời Vua Lê – Chúa Trịnh. Trong bối cảnh lịch sử đó, Trần Văn Khải đã lựa chọn đi theo con đường binh nghiệp và trở thành một võ quan trong quân đội nhà Lê, làm đến chức Thiết kỵ úy, Phó Thiên hộ, danh hiệu Tráng tiết tướng quân, hiệu lệnh tư xuy kim tráng sỹ. Ông được giao chỉ huy một đội ưu binh thuộc cơ Hữu Dực, một lòng trung thành với triều đình; tham gia nhiều cuộc đánh dẹp các cuộc nổi dậy do Lê Danh Phương, Nguyễn Hữu Cầu ở Hưng Hóa, Sơn Nam, lập được nhiều công trạng nên chỉ sau một thời gian ngắn đã được triều đình ban sắc phong vinh danh. Hiện nay, nhà thờ của ông đã được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. |
|  | **Trần Trọng Giới** | **Trần Trọng Giới:** Quê ở xã Thuận Lộc, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, người đã có công lao trong việc dẹp loạn cuộc khởi nghĩa Lê Duy Mật (từ năm 1738 đến 1770). Ông được vua Lê Hiển Tông ban sắc, phong làm Trì uy tướng quân, chức Tổng tri trong hội Tổng Tri. Hiện nay, nhà thờ của ông đã được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. |
|  | **Trần Dực** | **Trần Dực (1462 - 1512)** quê ở làng Ngải Lăng - La Sơn (nay là thị trấn Đức Thọ, Hà Tĩnh). năm 38 tuổi, ông đỗ Hội nguyên khoa Nhân Tuất đời Lê Hiến Tông, niên hiệu Cảnh Thống thứ 5 (1502), ông lại đỗ đầu khoa Đông các, làm quan đến Tả thị lang bộ Hộ. |
|  | **Nguyễn Huy Lung** | **Nguyễn Huy Lung (1908 -1931),** quê làng Giao Tác, tổng Lai Thạch (nay là xã Thuận Lộc, thị xã Hồng Lĩnh). Ông là Bí thư chi bộ cộng sản Trường Pháp - Việt Hà Tĩnh (chi bộ Đảng đầu tiên ở TX Hà Tĩnh). Bị Pháp bắt giam tại ngục Kon Tum, hy sinh tháng 12/1931. |
|  | **Nguyễn Liên** | **Nguyễn Liên**, sinh năm Giáp Thân (1824), quê xã Thanh Lộc, huyện Can Lộc. Kỳ thi Hương (Ân khoa) được tổ chức tại Nghệ An vào năm Tự Đức thứ nhất (1848), Nguyễn Liên dự thi và đỗ cử nhân. Sau đó, Nguyễn Liên được bổ nhiệm làm quan lần lượt trải qua các chức vụ: Huấn đạo huyện Hương Sơn - Hà Tĩnh (1866), Quyền Nhiếp huyện Nghi Lộc - Nghệ An (1869); Tri huyện Bố Trạch - Quảng Bình; Biên tu Quốc Sử quán (1873) ở Kinh đô Huế, Tri phủ Bình Giang, Hải Dương (1881).Năm Tân Tỵ (1881), ông được triệu về kinh đô Huế bổ nhiệm chức Tế tửu Quốc Tử giám và đến năm 1883 được thăng Hồng Lô Tự khanh kiêm chức Tế tửu. |
|  | **Trần Đức Mậu** | **Trần Đức Mậu**, quê xã Ích Hậu, Lộc Hà. Ông đậu Tiến sỹ ở khoa thi Nhân Thìn (1472). Ông cùng với vua Lê Thánh Tông tham gia chinh phạt Chiêm Thành năm 1470, góp phần mở mang bờ cõi giữ vững ổn định biên cương phía nam của Đại Việt. Trần Mậu trải qua các chức vụ như: Hàn lâm viện hiệu lý, Đông các Hiệu thư. |
|  | **Ngô Văn Sở** | Ngô Văn Sở (? - 1795), quê ở làng Trảo Nha, huyện Can Lộc, là một danh tướng của nhà Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam. Ông đã cùng với quân Tây Sơn lập được nhiều chiến công trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược. |
|  | **Hồ Phi Chấn** | Hồ Phi Chấn: Quê ở Thạch Hà, Hà Tĩnh. Ông tham gia phong trào Tây Sơn, là một tướng lĩnh có tài, dũng cảm, trong chỉ huy chiến đấu Ông tả xung hữu đột lập được nhiều chiến công hiển hách. |
|  | **Nguyễn Huy Hổ** | Nguyễn Huy Hỗ: Quê ở Trường Lưu, Can Lộc; sinh ra trong dòng họ Nguyễn Huy nổi tiếng. Ông nổi tiếng là người học rộng, có tài, là tác giả của tác phẩm sử thi Mai Đình mộng ký nổi tiếng |
|  | **Phúc Hội** | Đây là địa danh cũ của làng (nay là thôn Phúc Hội) xã Thuận Lộc, nơi đây có đền làng Phúc Hội, là một trong những di tích được xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. |
|  | **Lũy** | Tên của con đường đi vào đình làng Giao Tác, nơi đây có dãy cây Lộc Vừng có niên đại gần 150 năm, được cụ Chánh Gio huy động nhân dân trồng để chắn gió và lũ lụt. Đến nay hàng cây cổ thụ Lộc Vừng trải dài vẫn được Nhân dân bảo tồn, giữ vững nguyên vẹn |
|  | **Giao Tác** | Đây là tên địa danh đã gắn bó với người dân ở xã Thuận Lộc từ xa xưa, nơi đây có đình làng Giao Tác, là một trong những di tích được xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. |
|  | **Hà Mại** | Tướng quân Hà Mại sinh năm Giáp Tuất (1334) tại Thăng Long, trong một gia đình khá giả ở xứ Bắc. Tướng quân Hà Mại cùng với con trai là Hà Tông Chính từng tham gia cuộc khởi nghĩa của Giản Định đế Trần Ngỗi vào các năm 1407 - 1410... Ông cùng các con cháu tập hợp lực lượng, xây dựng căn cứ kháng chiến chống quân Minh xâm lược ở địa bàn núi Hồng Lĩnh. Năm 1410, Tướng quân Hà Mại đã qua đời tại căn cứ địa Hồng Lĩnh, hưởng thọ 77 tuổi. Từ đấy, các con và các cháu của Tướng quân Hà Mại đã định cư, lập nghiệp tại mảnh đất Sông Lam - Núi Hồng nổi tiếng ngày nay. |
|  | **Nguyễn Từ Chi** | **Giáo sư Nguyễn Từ Chi** ([1925](https://vi.wikipedia.org/wiki/1925) - [1995](https://vi.wikipedia.org/wiki/1995)) có bút danh là Trần Từ, là một nhà [dân tộc học](https://vi.wikipedia.org/wiki/D%C3%A2n_t%E1%BB%99c_h%E1%BB%8Dc) hàng đầu của [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) thế kỷ XX, chuyên gia về người [Mường](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%C6%B0%E1%BB%9Dng) và làng xã [người Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_Vi%E1%BB%87t). Ông còn được biết đến như một nhà nghiên cứu văn hóa, dịch giả, biên tập viên, một người thầy đáng kính. Năm 1984, ông được Nhà nước Việt Nam phong học hàm Phó Giáo sư. Toàn bộ di cảo của ông được lưu trữ và trưng bày tại bảo tàng Dân tộc học. Năm 2000, Nhà nước Việt Nam đã truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 2 cho bốn công trình nghiên cứu dân tộc học của ông. |